

Soạn Văn: Chương trình địa phương (phần Tiếng Việt) - Rèn luyện chính tả**Nội dung luyện tập**

1. Đối với các tỉnh miền Bắc
2. Đối với các tỉnh miền Trung, miền Nam
3. Riêng với các tỉnh miền Nam

Một số hình thức luyện tập**Câu 1 (trang 167 sgk Ngữ Văn 6 Tập 1):**

- Trái cây, chờ đợi, chuyển chỗ, trải qua, trôi chảy, trơ trụi, nói chuyện, chương trình, chẻ tre.
- Sắp ngửa, sản xuất, sơ sài, bổ sung, xung kích, xua đuổi, cái xẻng, xuất hiện, chim sáo, sâu bọ.
- Rũ rượi, rắc rối, giảm giá, giáo dục, rung rinh, rùng rợn, giang sơn, rau diếp, dao kéo, giao kèo, giáo mác.
- Lạc hậu, nói lieù, gian nan, nét na, lương thiện, ruộng nương, lỗ chỗ, lén lút, bấp bực, lỗ làng.

Câu 2 (trang 167 sgk Ngữ Văn 6 Tập 1):

- a. Vây cá, dây sợi, dây điện, vây cánh, dây dưa, giây phút, bao vây.
- b. Giết giặc, da diết, viết văn, chữ viết, giết chết.
- c. Hạt dẻ, da dẻ, vẻ vang, văn vẻ, giẻ lau, mảnh dẻ, vẻ đẹp, giẻ rách.

Câu 3 (trang 167 sgk Ngữ Văn 6 Tập 1): Các từ cần điền lần lượt là:

Xám, sát, sấm, sáng, xé, sung, sở, xơ, xác, sẫm, sập, xoảng.

Câu 4 (trang 167 sgk Ngữ Văn 6 Tập 1): Các từ cần điền lần lượt là:

Buộc, buột, duộc (hay giuộc), tuộc, đuột, chuột, chuột, muốt, chuộc.

Câu 5 (trang 167 sgk Ngữ Văn 6 Tập 1): Điền dấu hỏi, ngã:

Vẽ tranh, biểu quyết, dè bủ, bủn rủn, dai dẳng, hưởng thụ, tưởng tượng, ngày giỗ, lỗ mãng, cổ lỗ, ngẫm nghĩ.

Câu 6 (trang 167 sgk Ngữ Văn 6 Tập 1): Chữa lỗi chính tả:

- Cẩng dặng → cẩn dẩn
- ...cây che chẳng ngan đường chẩn cho ai vô dừn... → ...cây tre chẩn ngang đường chẳng cho ai vô rừn...
- Cẩng rẩng → cẩn rẩng.